

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP VỀ XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

TRẦN MINH TỨ*

Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là nhà quân sự kiệt xuất của dân tộc, “Người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam”, một danh tướng mang tầm vóc huyền thoại trong lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam và lịch sử quân sự thế giới. Trong suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; trên cả hai phương diện lý luận và chỉ đạo thực tiễn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có nhiều đóng góp đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam từ một “quân đội thơ ấu, tinh thần dũng cảm có thừa nhưng thiếu vũ khí, thiếu kinh nghiệm, thiếu cán bộ, thiếu mọi mặt” (1) nhanh chóng lớn mạnh thành những trung đoàn, đại đoàn, quân đoàn chủ lực chính quy, hiện đại, thành thạo tác chiến hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn, đủ sức đương đầu và chiến thắng những lực lượng xâm lược hùng mạnh nhất trên thế giới.

Nền tảng những thành công của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với quá trình chỉ đạo, chỉ huy, tổ chức, xây dựng, phát triển Quân đội nhân dân Việt Nam xuất phát từ hệ thống những luận điểm, quan điểm của Đại tướng về chiến tranh nhân dân nói chung, về quân đội cách mạng nói riêng. Hệ thống những quan điểm, luận điểm đó tuy

chưa được Đại tướng tổng kết, trình bày trong một tác phẩm riêng biệt nào nhưng được thể hiện hết sức toàn diện, cụ thể và rõ nét thông qua những chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, chiến thuật; thông qua những mệnh lệnh, huấn lệnh, huấn thị, chỉ thị; thông qua những luận văn quân sự, những bài nói, bài viết, những tác phẩm hồi ký trong suốt cuộc đời Đại tướng. Tổng quát lại hệ thống quan điểm, luận điểm đó được thể hiện nổi bật, cụ thể trên một số nội dung cơ bản như sau:

1. Quân đội nhân dân ra đời, phát triển trên cơ sở lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang cơ sở

Ngay từ tháng 3-1941, khi bắt đầu chỉ đạo xây dựng các hội cứu quốc tại Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích: “Muốn có đội vũ trang mạnh, trước hết phải có một đội tuyên truyền mạnh, đội quân chính trị vững” (2). Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong suốt quá trình chỉ đạo, tổ chức, xây dựng, phát triển Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn khẳng định: “Lực lượng chính trị của quần chúng là cơ sở để xây dựng và phát triển lực lượng mọi mặt của cách mạng, của khối nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, là cơ sở để xây dựng và

*ThS. Viện Chiến lược và Lịch sử Quốc phòng Việt Nam

phát triển các lực lượng vũ trang cách mạng. Nó là chỗ dựa vững chắc cho lực lượng vũ trang nhân dân tác chiến” (3).

Thực hiện nhất quán quan điểm này, trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, trên cơ sở lực lượng chính trị là các hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn đặc biệt quan tâm, tuyển chọn những hội viên trung kiên, hăng hái, gan dạ nhất để xây dựng, phát triển các đội tự vệ cứu quốc, tự vệ chiến đấu. Chính trên cơ sở của các đội tự vệ chiến đấu, tự vệ cứu quốc này, sau khi có chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã lựa chọn ra những thành viên ưu tú nhất để thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân - đội quân chủ lực đầu tiên của cách mạng Việt Nam. Với cách thức tổ chức, xây dựng lực lượng đúng đắn, dựa chắc trên các lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang cơ sở, chỉ sau một thời gian ngắn, từ 34 đội viên ban đầu, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã phát triển thành 13 đại đội và thống nhất với các đội du kích Cứu quốc quân tạo thành lực lượng bộ đội chủ lực chính quy của cách mạng với tên gọi Việt Nam Giải phóng quân (4). Trong thời gian này, ở bất cứ nơi đâu, dù trong các buổi công tác tại địa phương, trong lúc nói chuyện tại các đơn vị bộ đội hay trên các lớp huấn luyện, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn nhấn mạnh các đoàn thể cứu quốc; các đội tự vệ, du kích vũ trang ở cơ sở là một lực lượng vô cùng quan trọng, là tiền đề, là nền tảng vững chắc, là nguồn bổ sung dồi dào để Giải phóng quân liên tục phát triển, trưởng thành. Ông chỉ rõ, cán bộ, chiến sĩ hiện nay của Giải phóng quân cũng đều là những hội viên hội cứu quốc, đội viên đội tự vệ hay đội du kích trước kia; những nơi Giải phóng quân giành được những thắng lợi lớn đều có một nguyên nhân cơ bản là vì ở các nơi đó các đoàn thể cứu quốc

và các đội tự vệ, du kích cơ sở hoạt động rất mạnh. Do vậy, muốn Giải phóng quân ngày càng trưởng thành thì nền tảng căn bản của Giải phóng quân là lực lượng chính trị của quần chúng, lực lượng dân quân, tự vệ, du kích trên các địa bàn cũng cần được luôn luôn chăm nom, củng cố, rèn luyện; luôn luôn phải được “phát triển dần lên” cả về số lượng, bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức và khả năng chiến đấu.

Mô hình dựa trên lực lượng chính trị quần chúng để xây dựng lực lượng vũ trang cơ sở; từ lực lượng vũ trang cơ sở phát triển mạnh mẽ, rộng khắp mà lựa chọn những thành viên ưu tú, có đủ phẩm chất để bổ sung, phát triển cho quân đội cách mạng không chỉ được thực hiện trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền mà còn được Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo vận dụng, phát triển sáng tạo, xuyên suốt trong hai cuộc kháng chiến. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các tiểu đoàn, trung đoàn rồi đại đoàn của bộ đội chủ lực đều được xây dựng, phát triển từ lực lượng chính trị của quần chúng và hàng triệu dân quân, du kích, tự vệ, bộ đội địa phương trong cả nước. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ở miền Bắc sự phát triển hùng hậu, nhanh chóng của Quân đội nhân dân Việt Nam dựa trên nền tảng tinh thần tự nguyện, tính giác ngộ của quần chúng nhân dân, của các đoàn thể chính trị và lực lượng dân quân tự vệ; ở miền Nam, sự hình thành, phát triển, lớn mạnh không ngừng của Quân Giải phóng cũng được bắt nguồn từ các đơn vị du kích và lực lượng chính trị của quần chúng ở cả rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị.

Có thể thấy rằng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự chỉ đạo, chỉ huy, tổ chức, điều hành trực tiếp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức, xây dựng, phát triển

theo hình tháp. Chân tháp là hàng chục triệu thanh niên được giáo dục, rèn luyện bởi các đoàn thể chính trị, các đơn vị dân quân, tự vệ, du kích ở khắp các địa bàn. Phần thân tháp là lực lượng bộ đội địa phương không ngừng được bồi dưỡng, huấn luyện, thử thách và tuyển chọn từ chính các đoàn thể quần chúng và lực lượng vũ trang cơ sở. Cuối cùng, phần đỉnh tháp là lực lượng bộ đội chủ lực chính quy tinh nhuệ được xây dựng, tổ chức từ những lực lượng tiên phong nhất trong các đoàn thể cách mạng và những bộ phận, lực lượng ưu tú nhất của các đơn vị dân quân du kích, bộ đội địa phương. Mô hình tổ chức khoa học, đúng đắn này không chỉ tạo ra nguồn bổ sung dồi dào, liên tục, bền vững cho quân đội mà còn giúp quân đội là tổ chức tập hợp được những con người có bản lĩnh và trình độ chính trị cao, đã được giáo dục, tôi luyện, thử thách một cách căn bản. Chính điều này là một trong những yếu tố quyết định nhất tạo nên sự trưởng thành, phát triển nhanh chóng, bền vững, liên tục của Quân đội nhân dân Việt Nam, tạo ra nền tảng quan trọng để Quân đội nhân dân Việt Nam có đủ sức mạnh làm nên những thắng lợi quyết định trong hai cuộc kháng chiến.

Không chỉ là nền móng, là nguồn bổ sung vô tận để xây dựng, tổ chức, phát triển Quân đội nhân dân, Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn khẳng định lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng dân quân, du kích, tự vệ ở cơ sở là những lực lượng có vai trò chiến lược, là lực lượng thiết yếu, tin cậy nhất để phối hợp chặt chẽ cùng quân đội tạo thành sức mạnh chiến đấu tổng hợp của chiến tranh nhân dân, đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. Thực tiễn đã chứng minh, dựa vào sự giúp đỡ, che chở, phối hợp của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ở các cơ sở vùng lõm, quân đội có thể khắc phục mọi khó khăn về tiếp tế, vận tải, hậu cần, trinh

sát, thông tin... để bí mật hành quân, giấu quân thực hiện các đòn đánh mạnh, sâu, bất ngờ, hiểm hóc vào các căn cứ, các vị trí, các địa bàn chiến lược nằm sâu trong các vùng hậu cứ của địch để giành những thắng lợi quan trọng. Thắng lợi của bộ đội chủ lực trong các chiến dịch: Việt Bắc (1947), Biên giới (1950), Hòa Bình (1951), Tây Bắc (1952), Điện Biên Phủ (1954) hay Tết Mậu Thân (1968), Quảng Trị (1972), Buôn Mê Thuột (1975), Hồ Chí Minh (1975)... đều là kết quả của sự phối hợp chiến đấu chặt chẽ, gắn bó, không thể tách rời giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và lực lượng chính trị của quần chúng cách mạng. Đại tướng khẳng định: “Sự kết hợp giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, giữa chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích là một ưu thế nổi bật của chiến tranh nhân dân... Nó làm cho quân đội xâm lược nhà nghề có số quân đông và trang bị hiện đại không thể tiến hành một cuộc chiến tranh cổ điển để phát huy sức mạnh và sở trường của chúng. Quân xâm lược không phải chỉ đương đầu với quân đội cách mạng mà với cả một dân tộc đã đứng dậy” (5). Nhận thức rất rõ được điều này, tướng De Castries trong phiên điều trần trước Bộ Quốc phòng Pháp về nguyên nhân thất bại của trận Điện Biên Phủ đã phải cay đắng thừa nhận “Người ta có thể đánh thắng một quân đội chứ không thể đánh thắng một dân tộc” (6).

2. Lấy xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng làm cơ sở để nâng cao sức mạnh tổng hợp

Bàn về vai trò của công tác chính trị, tư tưởng trong xây dựng hồng quân công nông, V.I. Lênin khẳng định: “Ở đâu mà công tác chính trị trong quân đội, công tác của các chính ủy làm được chu đáo nhất ở đấy không hề có tình trạng lỏng lẻo trong quân đội, quân đội giữ được trật tự tốt hơn

và tinh thần của họ cũng cao hơn; ở đây thu được nhiều thắng lợi hơn” (7). Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại” (8).

Trong suốt quá trình chỉ đạo, chỉ huy, tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam, trên các cương vị Bí thư Trung ương Quân ủy, Tổng Chính ủy, Bí thư Tổng Quân ủy rồi Bí thư Quân ủy Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn nhất quán quan điểm xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị là yếu tố quyết định khả năng chiến đấu của quân đội; do đó phải đặt công tác xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị lên hàng đầu, phải luôn xác định xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng nhất trong hoạt động lãnh đạo, chỉ huy quân đội. Đại tướng chỉ rõ: “Sức mạnh của quân đội cách mạng là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố. Sức mạnh đó là sản phẩm của sự kết hợp biện chứng giữa con người và vũ khí, chính trị và kỹ thuật, tư tưởng và tổ chức, khoa học quân sự và phương tiện chiến tranh. Chúng ta không thể coi nhẹ bất cứ yếu tố nào. *Nhưng đối với quân đội cách mạng, điều cơ bản nhất là yếu tố con người, yếu tố chính trị*; là sự nhận thức của quân đội về lý tưởng, về mục tiêu chiến đấu, về mục đích chính trị của chiến tranh; là tinh thần chiến đấu quyết chiến quyết thắng của cán bộ chiến sĩ, của con người Việt Nam” (9). Nhận định về nguyên nhân tan vỡ nhanh chóng của các đơn vị vũ trang ở Nam Bộ sau ngày Nam Bộ kháng chiến, Đại tướng khẳng định: “Kinh nghiệm tan rã của bộ đội Nam Bộ là một kinh nghiệm thất bại của một bộ đội không có công tác chính trị” (10).

Nhiệm vụ công tác chính trị, tư tưởng trong quân đội rất rộng lớn, trong đó vấn đề then chốt, quyết định là phải quán triệt cho mọi cán bộ, đảng viên trong quân đội

nắm vững và chấp hành nghiêm nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện đối với quân đội. Đại tướng khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng duy nhất nắm quyền lãnh đạo quân đội, Đảng không chia sẻ quyền lãnh đạo quân đội cho bất cứ một đảng phái nào hoặc tổ chức chính trị nào khác; Đảng cũng không thông qua một hình thức tổ chức trung gian nào khác để thực hiện việc lãnh đạo quân đội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội là tuyệt đối, trực tiếp, bao quát toàn bộ các mặt công tác, mọi mặt hoạt động; cả trong tổ chức, chiến đấu, công tác và lao động sản xuất; không có bất cứ một khâu nào trong quân đội thiếu sự lãnh đạo của Đảng. Đại tướng chỉ rõ: “Đảng là người sáng lập, tổ chức giáo dục quân đội. Muốn cho quân đội đi đúng đường lối giai cấp, đi đúng phương hướng chính trị, làm tròn nhiệm vụ của mình, cần thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với quân đội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội là vấn đề căn bản để giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng của quân đội” (11).

Để đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với quân đội, Đại tướng xác định: “Phải xây dựng và nghiêm chỉnh chấp hành *chế độ lãnh đạo của Đảng* trong xây dựng lực lượng vũ trang” (12). Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú và tầm nhìn chiến lược sắc sảo, Đại tướng khẳng định chế độ lãnh đạo khoa học, đúng đắn nhất của Đảng trong quân đội là “Chế độ đảng ủy, chi bộ lãnh đạo tập thể và thủ trưởng quân sự, thủ trưởng chính trị phân công phụ trách tổ chức và thực hiện”. Trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trên cương vị Bí thư Trung ương Quân ủy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp chỉ đạo việc thiết lập hệ thống tổ chức đảng từ

Trung ương Quân ủy (13) xuống đến các khu ủy, chiến khu ủy, trung đoàn ủy, tiểu đoàn ủy và chi bộ ở các đại đội với chế độ chính trị ủy viên cùng đội trưởng phụ trách toàn diện đơn vị. Đến đầu năm 1948, thực hiện chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích, phần lớn các đơn vị bộ đội chủ lực phân tán thành các đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung về hoạt động tại các địa phương, do đó hệ thống tổ chức đảng dọc từ trên xuống không còn phù hợp. Ngày 20-10-1948, Trung ương Đảng ra Nghị quyết mới về tổ chức hệ thống Đảng trong quân đội, trong đó xác định “bỏ hệ thống cấp ủy trong quân đội”, “lập chế độ chính trị ủy viên đại diện Đảng phụ trách trong quân đội” (14) (chế độ chính ủy tối hậu quyết định) - mọi công việc, hành động và lãnh đạo của Đảng trong quân đội đều do ủy viên chính trị chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, chỉ sau một thời gian ngắn, cơ chế này bộc lộ không phù hợp với yêu cầu phát triển của quân đội cũng như không phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng.

Nắm bắt thực tiễn đó, trên cương vị Tổng Chính ủy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đề xuất, tham mưu với Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW “Về tổ chức đảng trong bộ đội chủ lực” - xác định bỏ chế độ chính ủy tối hậu quyết định - lập lại hệ thống tổ chức đảng các cấp từ Tổng Quân ủy (15) xuống đến các chi bộ đại đội, đồng thời thực hiện chế độ thủ trưởng chính trị và thủ trưởng quân sự phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo của tập thể cấp ủy. Đây là sự thay đổi quan trọng, góp phần hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, trực tiếp đưa công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội đi vào nền nếp, thực sự trở thành “linh hồn, mạch sống của quân đội”. Cơ chế này đã phát huy tác dụng to lớn trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ

trang, tiến hành chiến tranh cách mạng trong một thời gian dài và đã đưa quân đội ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đóng góp to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Bên cạnh việc nhiệm vụ khẳng định và thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với quân đội, nhiệm vụ công tác chính trị, tư tưởng trong quân đội còn được Đại tướng Võ Nguyên Giáp xác định rõ là nhằm bảo đảm cho quân đội nhân dân Việt Nam là đội quân của dân, do dân và vì dân; là đội quân luôn thấm nhuần tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; có bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi khó khăn thử thách; có tinh thần cảnh giác cách mạng, nắm chắc âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù... Đại tướng nhấn mạnh: “Chỉ có lấy việc xây dựng về chính trị làm nền tảng, lực lượng vũ trang nhân dân mới có được những cán bộ và chiến sĩ có giác ngộ chính trị sâu sắc, có lý tưởng chiến đấu cao cả, một lòng một dạ phục vụ lợi ích của nhân dân, vượt qua mọi gian khổ, kiên quyết chiến đấu, anh dũng tuyệt vời, do đó mà phát huy được đến cao độ uy lực của trang bị kỹ thuật có trong tay, chiến thắng được mọi kẻ thù hung bạo” (16).

Bên cạnh những nội dung cơ bản chung mang tính nguyên tắc, tổng quát, Đại tướng Võ Nguyên Giáp yêu cầu công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong quân đội phải bám sát thực tiễn chiến đấu của từng đơn vị, bám sát nhiệm vụ cụ thể và diễn biến tư tưởng hàng ngày của bộ đội; phải thấy được tính chất gay go, ác liệt của chiến tranh để kịp thời động viên, cổ vũ bộ đội giữ vững ý chí quyết tâm chiến đấu trong mọi hoàn cảnh. Đặc biệt, Đại tướng lưu ý phải đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trước, trong và sau mỗi chiến dịch, tập trung làm

rõ mục đích và ý nghĩa của chiến dịch; phương châm tác chiến và nhiệm vụ chiến đấu của từng đơn vị; đồng thời làm rõ chỗ mạnh, chỗ yếu của địch qua đó mà xây dựng và không ngừng củng cố quyết tâm chiến đấu, ý thức tổ chức kỷ luật của bộ đội qua từng giai đoạn, từng trận đánh, nhất là khi chiến đấu gặp nhiều khó khăn, thương vong. Đại tướng nhấn mạnh: Làm công tác chính trị mà chỉ động viên tư tưởng chung chung thì không đủ mà còn phải đi sâu vào giải quyết những vấn đề cụ thể về tổ chức, về tư tưởng, về khó khăn và những yêu cầu chiến thuật nảy sinh ngay trong thực tiễn chiến đấu hằng ngày. Muốn vậy, cán bộ phải học tập cả chính trị và quân sự; biết phát huy dân chủ quân sự để chủ động phát hiện, giải quyết kịp thời những vướng mắc nảy sinh từ thực tiễn, ngăn chặn những tư tư tưởng tiêu cực; đồng thời chống tác phong quan liêu, không sát dưới, không phát huy dân chủ, không dám nêu những khó khăn để giải quyết, bắt chiến sĩ phải nhắm mắt nghe theo mệnh lệnh của mình.

Lịch sử quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam hơn 80 năm qua đã chứng minh vai trò, vị trí hết sức quan trọng của công tác chính trị, tư tưởng. Ở bất kỳ một đơn vị nào, khi công tác chính trị, tư tưởng được phát huy tốt thì đơn vị đó luôn trung thành tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng chiến đấu của Đảng, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế cũng như trong nước, Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng cần tiếp tục khẳng định và phát huy cao độ hơn nữa vai trò của công tác chính trị, tư tưởng trong quá trình xây dựng quân đội, đồng thời tập trung nguồn lực, đổi mới cơ chế, không ngừng tăng cường xây dựng, phát triển toàn diện đội ngũ cán bộ chính trị, hệ thống

cơ quan chính trị trong toàn quân. Đây chính là vấn đề mang tính then chốt để xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh toàn diện, trong đó lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở.

3. Xây dựng quân đội phải có cơ cấu tổ chức hợp lý, chặt chẽ, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn

Nắm vững quy luật về tổ chức quân sự của chiến tranh nhân dân, trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn chăm lo xây dựng quân đội có cơ cấu tổ chức hợp lý, chặt chẽ, không ngừng tiến lên chính quy, hiện đại. Quan điểm nhất quán của Đại tướng là cơ cấu tổ chức, biên chế của quân đội phải luôn xuất phát từ đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng; dựa trên khả năng bảo đảm của nước nhà về cơ sở vật chất, vũ khí trang bị; phù hợp với khoa học và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam; phù hợp với trình độ chỉ huy, hiệp đồng tác chiến của đội ngũ cán bộ, chiến sĩ; đặc biệt phải phù hợp với yêu cầu của thực tiễn chiến trường, với đối tượng và quy mô tác chiến trong từng giai đoạn của chiến tranh.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, để đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng chính quy, có tổ chức chỉ huy thống nhất, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề nghị chính phủ lâm thời cho thành lập ngay cơ quan Bộ Tổng tham mưu - cơ quan tham mưu chiến lược về tổ chức và tác chiến của quân đội (17). Tháng 11-1945, khi Việt Nam Giải phóng quân đổi tên thành Vệ quốc đoàn, căn cứ vào tình hình đất nước và nhiệm vụ xây dựng bộ đội chủ lực, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu tổ chức biên chế các đơn vị Vệ quốc đoàn theo hệ thống “tam tam chế” từ tiểu đội, đến trung đoàn. Trong đó, mỗi tiểu đội

có quân số 12 người; 3 tiểu đội thành lập 1 phân đội; 3 phân đội thành lập 1 trung đội; 3 trung đội thành lập 1 đại đội và 3 đại đội thành lập 1 trung đoàn (18).

Trên cơ sở các trung đoàn, giữa năm 1946, khi Vệ quốc đoàn được đổi tên thành Quân đội quốc gia Việt Nam, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, chính phủ quyết định thành lập một số đại đoàn chủ lực trong quân đội. Tại Bắc Bộ, tổ chức 2 đại đoàn (1 và 2); ở vùng tự do Nam Trung Bộ tổ chức 3 đại đoàn (23, 27, 31 và 1 trung đoàn độc lập). Tuy nhiên tại thời điểm này, các đại đoàn khi được tổ chức chỉ mang tính hình thức, đơn thuần là tập hợp về tên gọi, đầu mối và quân số, trong khi trang bị vũ khí hết sức thô sơ lạc hậu; đội ngũ cán bộ các cấp chưa được đào tạo cơ bản, trình độ chỉ huy, phối hợp hiệp đồng còn hết sức hạn chế; vấn đề bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, thông tin liên lạc cũng chưa đáp ứng được. Nhận thức được điều đó, tháng 11-1946, trên cương vị Chủ tịch Quân sự ủy viên hội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề xuất với chính phủ cho giải thể các đại đoàn ở Bắc Bộ và Nam Trung Bộ. Đến cuối năm 1946, tổ chức cao nhất của bộ đội chủ lực ở miền Bắc là trung đoàn (gồm 32 trung đoàn, 11 tiểu đoàn độc lập). Ở Nam Bộ vẫn giữ nguyên tổ chức chi đội (tương đương trung đoàn). Cũng trong thời gian này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu từng bước xây dựng các đơn vị binh chủng đầu tiên của quân đội như pháo binh, thông tin vô tuyến điện, công binh, quân y, bản đồ... Ngày 29-6-1946, 3 trung đội pháo binh được thành lập đặt tại các vị trí Pháo đài Láng, Xuân Tảo, Xuân Canh. Đây là những trung đội pháo binh chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đặc biệt, để thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về vũ trang toàn dân, phát động toàn dân đánh giặc, từ cuối năm

1947 đến đầu năm 1949, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã sáng tạo ra công thức tổ chức bộ đội độc đáo: “đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung”. Theo công thức này, một bộ phận lớn bộ đội chủ lực được phân tán thành các đại đội độc lập, các trung đội vũ trang tuyên truyền với trang bị gọn nhẹ, âm thầm tiến sâu vào các địa bàn mà quân Pháp tạm chiếm. Nhiệm vụ của các đơn vị này là tiến công tiêu diệt, tiêu hao địch; tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ và tham gia kháng chiến, và quan trọng hơn là tìm mọi cách tổ chức, xây dựng, dìu dắt, giúp đỡ, huấn luyện, rèn luyện các đội du kích trên địa bàn, qua đó phối hợp với các đội du kích liên tục tiến công tiêu hao, tiêu diệt quân Pháp; phát động nhân dân phá tề, diệt Việt gian, xây dựng các làng kháng chiến, các khu du kích, các căn cứ du kích, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở ngay trong vùng địch kiểm soát. Công thức tổ chức bộ đội độc đáo, sáng tạo này đã góp phần quyết định đánh bại các chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh”, “dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp, từng bước biến hậu phương của quân Pháp thành tiền phương của ta.

Nhận thức rõ quy luật phát triển của chiến tranh là phải có những đơn vị bộ đội chủ lực lớn để thực hiện những trận đánh quyết định mang tính chất then chốt, làm xoay chuyển cục diện chiến trường, từ đầu năm 1949, trên cơ sở lực lượng dân quân du kích ngày càng trưởng thành mạnh mẽ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo rút dần các đại đội độc lập về căn cứ địa để tập trung xây dựng, phát triển các trung đoàn, đại đoàn chủ lực chính quy quy mô lớn. Thực hiện sự chỉ đạo của Đại tướng, trong ba tháng đầu năm 1949, các trung đoàn chủ lực trực thuộc Bộ và liên khu liên tục được tăng cường quân số theo biên chế và bổ sung vũ khí trang bị mới để đẩy mạnh tác

chiến chính quy. Từ nền tảng các trung đoàn mạnh, ngày 12-7-1949, Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam - Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra Chỉ thị số 29/CT “Về việc chấn chỉnh tổ chức Trung đoàn 308 thành đại đoàn chủ lực đầu tiên mang phiên hiệu Đại đoàn bộ binh 308” với biểu biên chế gồm: Ban Chỉ huy Đại đoàn, 3 cơ quan (tham mưu, chính trị, cung cấp), 3 trung đoàn (36, 88 và 102); Tiểu đoàn bộ binh 11, Tiểu đoàn pháo binh 410 cùng các đơn vị công binh, thông tin, vận tải, quân y trực thuộc. Tiếp đó, từ năm 1950 đến năm 1952, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đại tướng, Quân đội nhân dân Việt Nam lần lượt thành lập thêm 6 đại đoàn chủ lực gồm Đại đoàn 304 (10-3-1950), Đại đoàn 312 (12-1950), Đại đoàn 320 (1-1951), Đại đoàn Công - Pháo 351 (3-1951), Đại đoàn 316 (5-1951) và Đại đoàn 325 (12-1952). Như vậy, đến cuối năm 1952 và cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, quân đội có 6 đại đoàn bộ binh, một đại đoàn binh chủng (công binh - pháo binh). Quân số mỗi đại đoàn khoảng 9.500 người. Đây là những binh đoàn cơ động đã góp phần quyết định tạo ra những chiến thắng mang tính chất bước ngoặt, từng bước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.

Bước vào thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, trước đối tượng tác chiến mới là quân Mỹ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp yêu cầu rõ lúc này Quân đội nhân dân Việt Nam phải được tổ chức, phát triển thành một quân đội hiện đại “có nhiều binh chủng và quân chủng, có lục quân, không quân và hải quân” (19). Theo Đại tướng, *Lục quân* phải tiến lên có đủ những binh chủng cần thiết, có cơ cấu và quy mô tổ chức thích hợp với

nhiệm vụ chiến đấu ngày càng phát triển, có hỏa lực và sức đột kích mạnh, có khả năng cơ động cao trên mọi điều kiện địa hình của đất nước. *Không quân* phải được tăng cường mạnh hơn nữa theo phương hướng số lượng thích hợp nhưng chất lượng chiến đấu thật cao, có cách đánh thật sáng tạo để bảo vệ vững chắc bầu trời của Tổ quốc. *Hải quân* phải được xây dựng ngày càng mạnh theo phương hướng số lượng vừa đủ nhưng chất lượng chiến đấu phải thật tinh, có cơ cấu tổ chức ngày càng hoàn chỉnh, được trang bị ngày càng hiện đại, có cách đánh thích hợp trên chiến trường sông, biển ở nước ta, đủ sức bảo vệ biển đảo và hệ thống sông ngòi dày đặc của Tổ quốc.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đến năm 1968, Quân đội nhân dân Việt Nam đã được xây dựng, tổ chức thành một quân đội tương đối hiện đại với cơ cấu gồm ba quân chủng: Lục quân (có các binh chủng Bộ binh, Pháo binh, Công binh, Tăng thiết giáp, Đặc công, Thông tin liên lạc), Phòng không - Không quân (có các binh chủng Pháo cao xạ, Ra đa, Tên lửa, Không quân) và Hải quân. Bước vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, trên cương vị Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh lực lượng vũ trang, Đại tướng đã đề xuất với Trung ương Đảng khẩn trương cho thành lập các quân đoàn chủ lực để phát huy sức mạnh tổng hợp của các sư đoàn, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiệp đồng quân binh chủng, thực hiện những trận đánh tiêu diệt lớn quân địch. Được sự nhất trí của Trung ương, ngày 24-10-1973, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh ký Quyết định số 142/QĐ-QP, thành lập Quân đoàn 1 - Binh đoàn Quyết thắng đóng quân ở Tam Điệp

(Ninh Bình). Cơ cấu tổ chức của Quân đoàn gồm: Bộ Tư lệnh, ba cơ quan (tham mưu, chính trị và hậu cần) cùng các đơn vị trực thuộc là các sư đoàn bộ binh 308, 312, 320B (sau đổi thành 390), Sư đoàn Phòng không 367, các lữ đoàn Tăng - Thiết giáp 202, Pháo binh 45, Công binh 299 và Trung đoàn Thông tin 240 (20). Tiếp đó, trong các ngày 17-5-1974 và 26-3-1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục ký các quyết định số 67/QĐ-QP, 54/QĐ-QP, thành lập Quân đoàn 2 - Binh đoàn Hương Giang tại chiến trường Trị - Thiên và Quân đoàn 3 - Binh đoàn Tây Nguyên tại chiến trường Tây Nguyên. Ở chiến trường Nam Bộ, trước sự đòi hỏi cấp thiết của chiến trường, theo sự ủy quyền của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tư lệnh Miền ra quyết định thành lập Quân đoàn 4 (20-7-1974) và Đoàn 232 (2-1975) với cơ cấu tổ chức tương đương quân đoàn.

Như vậy, đến cuối tháng 2-1975, quân đội nhân dân Việt Nam đã có 4 quân đoàn và một đơn vị tương đương quân đoàn chủ lực cơ động mạnh được thành lập, đứng chân trên các địa bàn chiến lược của đất nước. Việc thành lập các quân đoàn chủ lực đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc về tổ chức lực lượng, quy mô và nghệ thuật tác chiến của Quân đội nhân dân Việt Nam, làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang ba thứ quân mở những chiến dịch tiến công binh chủng hợp thành quy mô lớn trên khắp các hướng chiến lược, từng bước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

4. Không ngừng tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật; đồng thời nắm vững và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa con người và vũ khí trong tổ chức, xây dựng quân đội

Các yếu tố tạo nên sức mạnh của Quân đội đều có vai trò quan trọng và có mối quan hệ khăng khít với nhau. Không có tinh thần

chiến đấu hoặc tinh thần chiến đấu thấp kém thì không thể có hành động chiến đấu tích cực, không phát huy được các yếu tố vũ khí, trang bị, kỹ thuật. Tuy nhiên, cũng không thể đánh địch chỉ bằng sức mạnh tinh thần; dù cho có tinh thần chiến đấu cao, nhưng cơ cấu tổ chức bộ đội không hợp lý, trình độ trang bị vật chất, kỹ thuật của quân đội yếu kém, thì cũng không thể tạo ra được sức mạnh trong chiến đấu. V.I. Lênin đã khẳng định: “Dù quân đội giỏi nhất, dù những người trung thành nhất với sự nghiệp cách mạng cũng sẽ bị quân thù tiêu diệt nhanh chóng nếu không được trang bị, cung cấp lương thực và huấn luyện đầy đủ” (21).

Nhận thức rất rõ vấn đề này, trong quá trình chỉ đạo tổ chức, xây dựng, phát triển Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn nhấn mạnh quan điểm: “Vũ khí trang bị là cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng tạo nên sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, là một trong những yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh quân sự. Muốn tăng cường sức chiến đấu của lực lượng vũ trang thì nhất thiết phải không ngừng cải tiến trang bị” (22). Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo cách giải quyết vấn đề vũ khí của lực lượng vũ trang là phải dựa vào quần chúng nhân dân, có gì trang bị nấy, cướp vũ khí địch tiêu diệt địch. Trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trên cương vị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh, Đại tướng luôn đặc biệt quan tâm việc tăng cường vũ khí, trang bị kỹ thuật cho bộ đội. Đại tướng khẳng định bên cạnh việc phát huy mọi nguồn lực trong nước để chủ động nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, cải tiến vũ khí trang bị mới, phải chú trọng phát huy tối đa hiệu quả các loại vũ khí thô sơ, cướp vũ khí địch để đánh địch, đồng thời cũng phải tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của các nước bạn bè quan tâm,

ủng hộ cuộc kháng chiến. Với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ngành quân giới đã chế tạo thành công nhiều loại vũ khí có hỏa lực mạnh, điển hình là các mẫu súng cối 60mm, 81mm, 120mm, 187mm; súng và đạn SKZ60mm. Trong đó, súng cối 187mm làm bằng vỏ bình ôxy, đạn nặng 30kg, tầm bắn xa nhất đạt 2km; súng SKZ60mm có thể tháo rời để mang vác, đạn lõm có khả năng xuyên bê tông dày 60cm (gấp 3 lần bazôka 60mm) đã nhanh chóng trở thành vũ khí công đồn rất hiệu quả của các đơn vị bộ binh. Bên cạnh đó, các loại vũ khí, kỹ thuật tương đối hiện đại mà các nước bạn cung cấp, viện trợ như súng phòng không 12,7mm, pháo phòng không 37mm, pháo phản lực Katyusha H-6 75mm, súng cối 120mm M1938, đạn và pháo 105mm, súng ĐKZ75mm cùng các loại phương tiện vận tải cơ giới, máy móc thông tin liên lạc... đã mang lại hiệu suất chiến đấu rất lớn, góp phần làm nên những chiến thắng quyết định của quân đội trong những năm cuối của cuộc kháng chiến.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại tướng tiếp tục khẳng định: “Với vũ khí và phương tiện chiến tranh kém cả về số lượng và trình độ hiện đại, nhân dân ta đã đánh thắng những đội quân xâm lược được trang bị bằng những vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại hơn nhiều. Đó là ưu điểm nổi bật của lực lượng vũ trang nhân dân, của dân tộc Việt Nam anh hùng. Đó cũng là ưu điểm nổi bật của nền khoa học quân sự Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta vẫn nhận thức đúng đắn rằng cơ sở vật chất và kỹ thuật kém là một nhược điểm rất lớn cần được khắc phục. Trong tay các lực lượng vũ trang cách mạng, trong tay cán bộ và chiến sĩ của quân đội nhân dân, vũ khí trang bị càng hiện đại thì càng có khả năng nâng cao rất nhiều sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ

trang nhân dân. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo cuộc chiến đấu anh dũng và lâu dài của nhân dân ta, phải luôn coi trọng vấn đề cải tiến trang bị của lực lượng vũ trang, vấn đề hiện đại hóa quân đội” (23).

Với quan điểm chỉ đạo đúng đắn cùng nỗ lực rất lớn của cán bộ, nhân dân cả nước nói chung; của cán bộ chiến sĩ ngành quân giới nói riêng cũng như sự viện trợ, giúp đỡ to lớn của bạn bè quốc tế, vũ khí trang bị của Quân đội nhân dân Việt Nam thời kỳ này đã có những bước phát triển vượt bậc. Bộ binh được trang bị thống nhất các loại súng tiểu liên, trung liên, đại liên tiêu chuẩn cùng với các loại súng chống tăng RPG-2 (B40), RPG-7 (B41), tên lửa chống tăng AT-3 Sagger (B-72); tên lửa vác vai phòng không A-72... Dẫn dắt bộ binh chiến đấu có các loại xe tăng, xe bọc thép T34, T54, BMP, BTR; các loại pháo mặt đất lớn 120, 130, 152mm; pháo phản lực BM-14, BM-21, A-12 140mm (ĐKB)... cùng các phương tiện thông tin, công binh, vận tải tương đối hiện đại. Quân chủng Phòng không - Không quân cũng được trang bị nhiều loại máy bay chiến đấu mới như MIG 17, MIC 19, MIG 21; hệ thống pháo cao xạ phòng không 57, 85, 90, 100mm cùng các hệ thống tên lửa đất đối không tiên tiến như SAM-2, SAM-3... Các hệ thống vũ khí, khí tài hiện đại này đã góp phần không nhỏ tạo nên sức mạnh tổng hợp giúp Quân đội nhân dân Việt Nam lập nên những chiến công vang dội trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong khi khẳng định vai trò quan trọng, không thể thiếu của vũ khí, trang bị kỹ thuật đối với việc nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp yêu cầu phải nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố con người và vũ khí trang bị. Theo Đại tướng, con người và vũ khí là hai yếu tố có mối quan hệ rất chặt chẽ, tác động biện

chúng qua lại với nhau cùng tạo nên sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang cũng như sức mạnh quân sự của một quốc gia. Nhấn mạnh một chiều yếu tố vật chất, kỹ thuật, mà xem nhẹ yếu tố chính trị - tinh thần rõ ràng là sai lầm. Ngược lại, chỉ nhấn mạnh yếu tố chính trị - tinh thần mà không nhìn thấy vai trò quan trọng, không thể thiếu của yếu tố vũ khí trang bị cũng là cách nhìn nhận phiến diện, không chính xác. Để giải quyết đúng đắn mối quan hệ này, bằng kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo phong phú, trên cơ sở nắm chắc nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ rõ: “con người và vũ khí là những yếu tố cơ bản nhất tạo thành sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, *trong đó con người là cơ bản nhất, quyết định nhất*” (24).

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nghệ thuật, chiến lược quân sự của cả Pháp và Mỹ cơ bản đều dựa vào vũ khí, trang bị hiện đại để nhằm khuất phục tinh thần yêu nước, đè bẹp ý chí chiến đấu của nhân dân Việt Nam. Ngược lại, nét đặc sắc, bước phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến là dựa vào tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng và quyết tâm chiến đấu; dựa vào các cách đánh hiệu quả, thiên biến vạn hóa của chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích; dựa vào phẩm chất, năng lực và tư duy sáng tạo của con người để phát huy tối đa hiệu quả của mọi thứ vũ khí kỹ thuật sẵn có, giành chiến thắng trước những lực lượng xâm lược có vũ khí, trang bị hiện đại hơn gấp nhiều lần. Thực tiễn chiến trường cho thấy, nhiều chiến lược chiến tranh dựa vào các loại vũ khí, khí tài hiện đại, tiên tiến của Pháp và Mỹ đều bị thế trận chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích với khả năng phát huy tối đa yếu tố con người của nhân dân Việt Nam đánh bại. Nhiều vũ khí, khí tài hiện đại của Pháp, Mỹ đưa

vào chiến trường đã nhanh chóng bị quân và dân ta tìm ra sơ hở, điểm yếu để vô hiệu hoá. Điển hình là việc nhanh chóng chế tạo ra các loại súng bazoka hay SKZ để thay thế bom ba càng tiêu diệt các loại xe tăng và hệ thống công sự kiên cố của quân Pháp; việc sáng tạo ra cách đánh “bám chặt thắt lưng địch mà đánh” để hạn chế sức sát thương của máy bay, pháo binh Mỹ; việc phát kiến ra hệ thống phòng không nhân dân đánh bại các chiến dịch ném bom khủng bố của không quân Mỹ ở miền Bắc; việc cải tiến thành công hệ thống ra đa của tên lửa SAM 2 để nâng cao khả năng phát hiện và tiêu diệt máy bay ném bom chiến lược B-52 hay việc sáng tạo ra những biện pháp hết sức đơn giản để vô hiệu hóa hàng rào điện tử McNamara... đều là những minh chứng chân thực nhất khẳng định cho quan điểm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Con người mới là nhân tố quyết định trong mối quan hệ giữa con người và vũ khí. Một nước lớn, một đội quân xâm lược có số lượng đông, trang bị rất hiện đại hoàn toàn có thể bị đánh bại trước sức mạnh chiến đấu của một dân tộc nhỏ nhưng dũng cảm và thông minh, có quyết tâm đánh địch cao và có nhiều cách đánh hay, sáng tạo. 10 năm sau khi Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc, Giuyn Roa - cựu Đại tá không quân Pháp trực tiếp tham gia chiến đấu trong trận Điện Biên Phủ phải thừa nhận: “Mặc dù nhiều tấn bom đã trút xuống các trục lộ giao thông nhưng tuyệt tế của Việt Minh không bao giờ bị đứt... Tướng Nava bị đánh bại không phải bởi các phương tiện chiến tranh mà do trí thông minh và ý chí quyết thắng của đối phương” (25).

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội có năng lực toàn diện, có số lượng và cơ cấu hợp lý làm nòng cốt xây dựng quân đội vững mạnh

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Cán bộ là cái gốc của mọi

công việc” (26), “Muôn việc thành công hay thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém” (27), vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình tổ chức, xây dựng quân đội mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp đặc biệt quan tâm đó là cần xây dựng cho được đội ngũ cán bộ có năng lực toàn diện, cân đối, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển của quân đội. Đại tướng chỉ rõ: “Để thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng quân đội nhân dân, chính quy và hiện đại, vấn đề then chốt là phải xây dựng một đội ngũ cán bộ vững mạnh về mọi mặt” (28). Một đội ngũ cán bộ vững mạnh về mọi mặt theo Đại tướng là “những cán bộ giỏi chiến lược, chiến thuật, tinh thông quân sự, đồng thời trung thành triệt để với lợi ích của nhân dân, của cách mạng, tiến kịp với nhiệm vụ, với nhu cầu của một quân đội nhân dân ngày càng chính quy hóa” (29).

Trong hệ thống những phẩm chất, năng lực mà một người cán bộ quân đội cần phải đáp ứng thì bản lĩnh chính trị, khả năng chỉ huy chiến đấu và năng lực thuyết phục, vận động người chiến sĩ hăng hái thực hiện nhiệm vụ là yêu cầu quan trọng nhất, là yếu tố cốt yếu để đánh giá cán bộ. Đại tướng chỉ rõ: “Tiêu chuẩn để bạt cán bộ là tư tưởng và lập trường vững chắc; cán bộ nào kiên quyết, dũng cảm, tích cực diệt địch, có tinh thần hy sinh quả cảm, tích cực khắc phục khó khăn và thúc đẩy mọi người tiến lên, lúc nào cũng làm gương mẫu thì đề bạt mạnh dạn; cán bộ nào do dự trước nhiệm vụ, ngại khó khăn gian khổ, không tích cực chấp hành mệnh lệnh, tư tưởng hữu khuynh nghiêm trọng, nếu đã trải qua nhiều lần giáo dục mà không sửa chữa thì không những không đề bạt mà lại phải phê bình hoặc trừng phạt, nhẹ thì cảnh cáo, nặng thì hạ tâng công tác hay cách chức, rất nặng thì tước quân tịch và đưa ra trước pháp luật” (30).

Cũng như xây dựng quân đội cách mạng phải có lực lượng, thành phần, cơ cấu, tổ

chức hợp lý, theo Đại tướng, việc xây dựng, tổ chức đội ngũ cán bộ quân đội cũng phải có cơ cấu hoàn chỉnh, cân đối giữa cán bộ lãnh đạo, cán bộ chỉ huy, cán bộ chuyên môn - kỹ thuật; giữa cán bộ quân sự và cán bộ chính trị, cán bộ chủ trì và cán bộ cơ sở, cán bộ chủ lực và cán bộ địa phương. Việc tổ chức này phải thỏa mãn được yêu cầu giữa thời bình và thời chiến, trước mắt và lâu dài của các binh chủng, quân chủng của quân đội. Trong việc xây dựng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quân đội, Đại tướng luôn nhấn mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực toàn diện, trong đó “cán bộ chính trị phải học tập quân sự, phải biết quân sự, phải nghiên cứu những chỉ thị chiến thuật. Ngược lại, cán bộ quân sự phải học tập chính trị, phải biết làm công tác chính trị và phải nghiên cứu những chỉ thị công tác chính trị” (31). Đặc biệt, Đại tướng chỉ rõ cần kết hợp, sử dụng đội ngũ cán bộ đã chiến đấu lâu năm với đội ngũ cán bộ trẻ, từ đó tạo sự kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm, tính ổn định, khả năng bao quát với sức trẻ, lòng nhiệt huyết, tinh thần sáng tạo, dám nghĩ dám làm, bảo đảm cho quân đội phát triển liên tục, vững chắc, năng động và mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn luôn không ngừng biến động. Đại tướng lưu ý: “Quy luật phát triển của cách mạng cũng như của lực lượng vũ trang cách mạng đòi hỏi Đảng ta phải kết hợp chặt chẽ cán bộ đã chiến đấu lâu năm với cán bộ trẻ. Phải tích cực chăm lo bồi dưỡng các cán bộ đã chiến đấu lâu năm, có nhiều kinh nghiệm, đồng thời ra sức đào tạo, bồi dưỡng, mạnh dạn đề bạt các cán bộ trẻ trưởng thành trong chiến đấu và công tác có phẩm chất cách mạng, có năng lực, có triển vọng, có thể phục vụ lâu dài trong quân đội” (32).

Xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang không thể không nói đến

lực lượng cán bộ, sĩ quan dự bị. Vai trò quan trọng của lực lượng cán bộ, sĩ quan dự bị gắn liền với địa vị của lực lượng hậu bị trong chiến tranh. Vì vậy, trong công tác cán bộ quân đội cần phải quản lý tốt các cán bộ quân đội chuyển ngành và phục viên, đồng thời có chế độ huấn luyện tốt cho cán bộ dự bị, xây dựng nền nếp đăng ký, thống kê, làm tốt công tác huấn luyện định kỳ đối với đội ngũ cán bộ đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị trong các ngành, các cơ quan của Nhà nước, trong các xí nghiệp, trường học, trong các lực lượng vũ trang quần chúng. Đại tướng thường xuyên nhắc nhở: “Đi đôi với chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ của lực lượng thường trực, phải coi trọng xây dựng lực lượng cán bộ dự bị. Đội ngũ cán bộ dự bị phải có lực lượng hùng hậu, có chất lượng tốt, số lượng đủ, có cơ cấu hoàn chỉnh, cân đối, đáp ứng nhu cầu mở rộng lực lượng của quân đội, của các quân chủng, binh chủng trong mọi tình huống” (33).

Trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng sự chỉ đạo sâu sát, trực tiếp, thường xuyên của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, lớp lớp đội ngũ cán bộ các cấp của Quân đội nhân dân Việt Nam đã luôn tỏ rõ phẩm chất, bản lĩnh, tư duy của những người chiến sĩ cách mạng tiên phong, kiên cường vượt qua mọi khó khăn, lập nhiều chiến công xuất sắc. Nhận định về đội ngũ này, Đại tá Gabriel Bonnet - trong cuốn *Chiến tranh cách mạng Việt Nam* đã đánh giá: “Những nhà chỉ huy quân sự cao cấp của Việt minh có đầy đủ các đức tính làm tự hào cho quân đội cách mạng: Trung thành và đức tin chính trị, sự hiểu biết và sự thông minh tổng hợp, tính cương nghị và dũng cảm trước bất cứ thử thách nào. Là những chiến binh dày dạn trong chiến tranh Đông Dương, họ đã tuân tự vượt qua tất cả các cấp

bậc... Họ bao quát được không những nghệ thuật quân sự mà hiểu biết cả những vấn đề chính trị, kinh tế và đạo đức... Khoa học, khéo léo, mềm dẻo, tài năng đặc biệt của họ cho phép họ hoàn thành tất cả mọi nhiệm vụ, giải quyết được những vấn đề quân sự rất phức tạp” (34).

Những quan điểm đúng đắn, sáng tạo của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp về tổ chức, xây dựng, phát triển quân đội cách mạng đã góp phần quan trọng để Quân đội nhân dân Việt Nam nhanh chóng trưởng thành vững mạnh, thực sự là một đội quân của dân, do dân và vì dân, xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong thế trận toàn dân đánh giặc. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, những chiến thắng vang dội của quân dân Việt Nam trong các chiến dịch Việt Bắc (1947), Biên Giới (1950), Hòa Bình (1951-1952), Tây Bắc (1952), Thượng Lào (1953), Điện Biên Phủ (1954) đã khẳng định sức mạnh to lớn, sức trưởng thành vượt bậc của Quân đội nhân dân chỉ sau 10 năm xây dựng. Tướng Raoul Salan, nguyên Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương phải thừa nhận: “Quân đội Việt minh là một lực lượng bộ binh xuất sắc... Lính bộ binh chính quy Việt minh theo quan niệm của tôi là địch thủ ghê gớm nhất mà Pháp đã gặp phải từ sau trận Verdun. Lính bộ binh Việt Nam còn mạnh hơn người lính Đức vì với chất lượng đã có lại cộng thêm sức mạnh tập thể” (35).

Trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, với lực lượng nòng cốt là Quân đội nhân dân Việt Nam, quân dân cả nước đã đứng vững và lần lượt đánh bại tất cả những chiến lược chiến tranh tàn khốc nhất của đế quốc Mỹ, đánh bại những cố gắng quân sự cao nhất không chỉ của hơn nửa triệu lính Mỹ và gần một triệu quân ngụy trên chiến trường mà thực tế đã đánh bại những cố gắng quân sự cao nhất của cả guồng máy

chiến tranh khổng lồ mang tên siêu cường Mỹ và đồng minh. Sau cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quân đội nhân dân Việt Nam được thừa nhận là một trong những đội quân bản lĩnh, thiện chiến và khó bị đánh bại nhất trên thế giới. Trong cuốn *Đông Dương đỏ* xuất bản năm 1975, tướng Salan một lần nữa đánh giá: “Sau 30 năm chiến tranh, vừa kết hợp được khả năng chiến đấu của mình với lòng cuồng nhiệt và hăng say của quần chúng, người lính Việt minh quả thực là một địch thủ đáng sợ trong thời đại ngày nay” (36) và “Quân đội của họ - quân đội giỏi nhất thế giới hiện nay, đã chiến đấu từ năm 1945, được trưởng thành trong khói lửa, quân đội nay đã đạt tới đỉnh cao. Đó là một bộ máy chiến tranh không gì sánh kịp” (37).

Với những chiến tích lịch sử của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng Tư lệnh lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến cũng được nhiều nhà nghiên cứu và tướng lĩnh đối phương thừa nhận như một trong những vị tướng có khả năng tổ chức quân đội giỏi nhất trong lịch sử chiến tranh thế giới. Trung tá Marcel Bigeard (sau là Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp) khẳng khái thừa nhận: “Những con người do Tướng Giáp đào luyện thật là những chiến binh tuyệt vời” (38), “Trong vòng chín năm, Tướng Giáp đã đánh bại đạo quân viễn chinh của chúng ta, điều đó không có gì phải bàn cãi... Liệu ai có thể tin được rằng những người Bắc Kỳ nhỏ nhắn ấy, những con người của đồng ruộng, thanh đạm, tích cực lao động, được huấn luyện chút ít về chính trị và quân sự lại đã có thể biến thành một phương tiện chiến đấu ghê gớm, linh hoạt, cơ động, bền bỉ, biết cách hành động, có năng lực không chỉ ở cấp độ người chiến binh mà cả ở cấp độ bộ chỉ huy” (39). Nhà sử học James A. Warren nhận định: “Trong 30 năm sự nghiệp làm Tổng Tư lệnh, Tướng Giáp không chỉ làm thất bại các

kế hoạch của hai quốc gia mạnh hơn nhiều so với quốc gia của mình cả về quân sự và công nghệ, mà còn liên tục xây dựng sức mạnh và khả năng của các lực lượng quân sự của riêng mình, liên kết chặt chẽ chúng vào một cơ sở hạ tầng chính trị vững chắc mà chính ông đã góp phần không nhỏ để tạo ra” (40). Nhà sử học người Mỹ Stanley Karnow cũng nhận định: “Là một nhà chiến lược táo bạo, một tư duy logic tài năng và một nhà tổ chức không biết mệt mỏi, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chiến đấu suốt hơn 30 năm, biến một đội quân du kích áo vải ít ỏi thành một trong những quân đội hiệu quả nhất của thế giới” (41).

*

Có thể nói rằng, hiện nay, tình hình thế giới đang diễn ra những biến động rất to lớn, khó dự báo. Xung đột toàn diện, cạnh tranh chiến lược, tranh chấp chủ quyền, chiến tranh sắc tộc, tôn giáo ở nhiều khu vực tiếp tục đe dọa hòa bình, ổn định và an ninh toàn cầu. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ tác động toàn diện, trực tiếp đến nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực quân sự, quốc phòng với sự xuất hiện của nhiều hình thức chiến tranh cũng như nhiều phương thức, thủ đoạn tác chiến mới. Việt Nam đang trong giai đoạn hòa bình và phát triển ổn định nhưng trước những diễn biến phức tạp gần đây của tình hình thế giới và khu vực, nguy cơ của một cuộc can thiệp quân sự, xung đột vũ trang hay thậm chí là một cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện vẫn thường xuyên hiện hữu. Tình hình đó đòi hỏi quân đội tiếp tục cần được đầu tư, phát triển mạnh mẽ, xứng đáng là lực lượng nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân, sẵn sàng bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống. Vận dụng những quan điểm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp về xây dựng quân đội nhân dân hiện nay cần chú trọng thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: “Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025 cơ bản xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ” (42).

2. Kiên định và nâng cao chất lượng xây dựng quân đội vững mạnh, tinh nhuệ về chính trị; xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong sạch, vững mạnh; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tiên phong gương mẫu, là nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước

3. Không ngừng xây dựng, củng cố các lực lượng, tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị của cả nước; tiếp tục xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ngày càng vững mạnh, rộng khắp, tạo nền tảng vững chắc cho Quân đội nhân dân Việt Nam không ngừng trưởng thành vững mạnh.

4. Chủ động đẩy mạnh việc điều chỉnh, tổ chức lực lượng, chủ động hiện đại hóa vũ khí trang bị đối với từng quân, binh chủng.

5. Tích cực, chủ động mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế và đối ngoại quốc phòng trong tình hình mới.

6. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nâng cao chất lượng dự báo chiến lược, thực hiện tốt chức năng tham mưu với Đảng, Nhà nước về công tác quân sự, quốc phòng trong tình hình mới.

CHÚ THÍCH

(1). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 24.

(2). *Nghị quyết quân sự của Đảng 1930 - 1960*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1959, tr. 21, 22.

(3). Dẫn theo: Đại tá Trần Trọng Trung, *Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 830.

(4). Thực hiện quyết nghị của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, ngày 15 tháng 5 năm 1945, lễ thành lập Việt Nam Giải phóng quân được tổ chức trọng thể tại Định Biên Thượng (Chợ Chu - Thái Nguyên). Lực lượng này đặt dưới quyền chỉ huy của Bộ Tư lệnh miền Bắc gồm Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh và Chu Văn Tấn.

(5). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn ***, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 1247.

(6). Bộ Quốc phòng - Ban Tuyên giáo Trung ương - Bộ Công an - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Tỉnh Điện Biên, *Chiến thắng Điện*

Biên Phủ với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2024, tr. 243.

(7). V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 39, Nxb. Tiến bộ Mátxcơva, 1979, tr. 66.

(8). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 397.

(9). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn ****, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2007, tr. 907.

(10). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn ***, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 46.

(11). Tổng cục Chính trị, *Tổ chức sự lãnh đạo của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam (Biên niên những sự kiện và tư liệu), tập II (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.35.

(12). Võ Nguyên Giáp, *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, sđd, tr. 168,169.

(13). Thành lập tháng 1-1946.

(14). Tổng cục Chính trị, *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội nhân dân Việt*

Nam (1944-2000), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2002, tr. 171.

(15). Từ tháng 1-1961, bỏ cơ quan Tổng Quân ủy thành lập Quân ủy Trung ương nhưng cơ chế lãnh đạo của Đảng trong Quân đội không thay đổi.

(16). Võ Nguyên Giáp, *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, sdd, tr. 166, 168.

(17). Bộ Tổng Tham mưu được thành lập ngày 7-9-1945.

(18). Bộ Tổng Tham mưu - Ban Tổng kết lịch sử, *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Bộ Tổng tham mưu xuất bản, 1991, tr.22.

(19). Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.716.

(20). Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội 2004, tr. 339.

(21). V.I. Lênin, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, q.2, ph.1 tr.359.

(22). Võ Nguyên Giáp, *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng*, Viện Khoa học Quân sự xuất bản, Hà Nội, 1974, tr.196-197.

(23). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn ***, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 1233.

(24). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn***, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 1232.

(25). Giuyn Roa, *Trận Điện Biên Phủ*, Nxb. Giulia Pari, 1963, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam xuất bản 1994, tr. 357.

(26). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.309.

(27). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2, 2011, tr.280.

(28). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn ***, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 1303.

(29). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 295.

(30). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn ***, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 375.

(31), (32), (33). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn ***, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 284-285, 1305, 1305.

(34). Dẫn theo: Gabrien Bonet, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam*, in trong: *Nguyễn Lữ, ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc chiến tranh chống Mỹ của Việt Nam trong lịch sử thế giới*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 8-1986, tr. 60.

(35). Việt Bắc, *Tư liệu qua sách báo phương Tây - Quân đội nhân dân Việt Nam “Một địch thủ phi thường”*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 5-1994, tr. 74.

(36). Raoul Salan, *Indochine Rouge (Đông Dương đỏ)*, P.Pressde la Cite, 1975, bản dịch của Trung tâm Thông tin Khoa học quân sự, VL.4642/79, tr. 58.

(37). Raun Salan, *Indochine Rouge (Đông Dương đỏ)*, P.Pressde la Cite, 1975, bản dịch của Trung tâm Thông tin Khoa học quân sự, VL.4642/79, tr. 58.

(38). Marcel Bigeard, *Lời thú nhận muộn màng*, Nxb. Hà Nội, 2004, tr. 78.

(39). Marcel Bigeard, *Lời thú nhận muộn màng*, Nxb. Hà Nội, 2004, tr. 89.

(40). James A.Warren, *Giap the General who defeated America in Viet Nam*, Palgrave Macmillan, New York, 2013, p. 243-244.

(41). New York Times (Mỹ) số tháng 6-1990.

(42). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.157-158.